

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Phương án bảo vệ khoáng sản
chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Kon Tum.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 19/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 215/TTr-STNMT ngày 02/6/2017 về việc ban hành Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Kon Tum,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Kon Tum (có Phương án kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 05/8/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Phương án bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các cơ quan: Cục Thuế tỉnh, Ban quản lý Khu kinh tế, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Báo Kon Tum, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện,

thành phố; các tổ chức, cá nhân có hoạt động khoáng sản, sử dụng đất và tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản;
- Các sở, ban ngành;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HTKT3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Tuy

PHƯƠNG ÁN

Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Kon Tum
(Ban hành kèm theo Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 24/6/2017
của UBND tỉnh Kon Tum)

Nhằm đảm bảo công tác quản lý, bảo vệ có hiệu quả tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh; ngăn chặn, xử lý các hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trái phép, bảo vệ môi trường, sinh thái, đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực; tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản; cụ thể hóa công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Thực hiện quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 Luật Khoáng sản, Điều 13 Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 19/11/2016 của Chính phủ, UBND tỉnh Kon Tum ban hành Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh, như sau:

I. Tiềm năng khoáng sản, thực trạng công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh; những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

1. Tiềm năng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Theo tài liệu đo vẽ bản đồ địa chất và tìm kiếm khoáng sản tỷ lệ 1/200.000 đã được công bố, tỉnh Kon Tum là một địa khối có cấu trúc địa chất phức tạp, là tiền đề sinh khoáng đa dạng từ khoáng sản quý hiếm đến khoáng sản nguyên liệu, nước khoáng - nước nóng thiên nhiên. Tài nguyên khoáng sản tỉnh Kon Tum được đánh giá là phong phú và đa dạng, từ khoáng sản nguyên liệu (nguyên liệu hóa, gốm sứ, vật liệu xây dựng, đá trang trí mỹ nghệ...) đến khoáng sản quý hiếm (vàng, bạc,...), một số khoáng sản có ý nghĩa quan trọng trong lĩnh vực phát triển công nghiệp luyện kim (wolfram, molipden, sắt, nhôm, đồng, chì, kẽm...), công nghiệp điện hạt nhân (uran, thori, đất hiếm...), tuy nhiên đa phần các loại khoáng sản trên còn ở dưới dạng tiềm ẩn, công tác điều tra cơ bản chưa được phủ kín, còn sơ lược.

Trên bản đồ khoanh vùng triển vọng khoáng sản tỉnh Kon Tum 1/100.000 (Tài liệu Biên hội Bản đồ địa chất tỉnh Kon Tum do Trường Đại học Mỏ và Địa chất thực hiện năm 2007) thể hiện trên 250 điểm khoáng sản (dưới nhiều quy mô khác nhau: mỏ, điểm quặng, điểm khoáng hóa, đới khoáng hóa), gồm nhiều loại khoáng sản và nhiều kiểu nguồn gốc sinh thành, cụ thể:

- **Kim loại:** (Fe, Cr, Mo, W, Bi, Cu, Pb, Zn, Sn, Au, Ag, U, Th, TR).
- **Không kim loại:** gồm các loại khoáng sản sau
 - + *Nguyên liệu hóa học và phân bón:* than nâu, than bùn.
 - + *Nguyên liệu gốm sứ chịu lửa:* kaolin, dolomit, sét diatomit.
 - + *Nguyên liệu kỹ thuật:* bột màu.

- + *Đá tạo tượng mỹ nghệ*: đá serpentinit, đá hoa.
- + *Vật liệu xây dựng tự nhiên*: cát, cuội, sỏi, granitoid, bazan, andesit xây dựng, granit ốp lát, pyroxenit ốp lát.
- + *Nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng*: đá vôi xi măng, sét gạch ngói.
- **Nước khoáng nóng**: Tài liệu điều tra địa chất thủy văn do Liên đoàn ĐCTV - ĐCCT miền Trung thực hiện đã xác định trên 14 điểm nước khoáng - nước nóng có triển vọng, có giá trị chữa bệnh và điều dưỡng.

2. Thực trạng công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum

2.1. Công tác ban hành văn bản

- Quyết định số 12/2010/QĐ-UBND ngày 21/4/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2015 và xét đến năm 2020; điều chỉnh, bổ sung tại các Quyết định số 25/2010/QĐ-UBND ngày 09/6/2010; Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND ngày 27/10/2011 và Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND ngày 28/6/2013.

- Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 09/11/2011 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động triển khai Chương trình của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng có thời gian đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 17/01/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

- Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 04/9/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum, được bổ sung tại các Quyết định: số 754/QĐ-UBND ngày 10/10/2013; số 482/QĐ-UBND ngày 22/5/2014; số 298/QĐ-UBND ngày 12/4/2017.

- Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 22/02/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước trong hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Kế hoạch 286/KH-UBND ngày 08/02/2013 của UBND tỉnh về phát triển vật liệu xây dựng không nung đến năm 2020 và lộ trình giảm dần, chấm dứt sản xuất gạch xây đất sét nung bằng lò thủ công trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Quyết định số 443/QĐ-CT ngày 22/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 254/QĐ-CT ngày 22/5/2014.

- Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 của UBND tỉnh về việc Ban hành tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai và quy đổi trọng lượng ra khối lượng làm căn cứ tính phí bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 của UBND tỉnh về việc Quy định giá tối thiểu tính thuế tài nguyên đối với một số loại tài nguyên

khoáng sản; nước thiên nhiên trên địa bàn tỉnh Kon Tum; điều chỉnh, sửa đổi tại Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 03/9/2015.

- Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 28/7/2016 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 3, Điều 15 và bãi bỏ khoản 10 Điều 3 Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 12/01/2015; bãi bỏ Điều 3 Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 và Điều 3 Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 của UBND tỉnh Kon Tum.

- Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 21/4/2014 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy phép hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Kon Tum.

- Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; được điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 24/5/2016.

- Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 05/8/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Phương án bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 21/9/2015 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính đã sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ trong lĩnh vực khoáng sản, tài nguyên nước và đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các cấp.

2.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản

Hàng năm, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì công tác tập huấn, tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về khoáng sản cho cán bộ, công chức, lãnh đạo các phòng ban phụ trách về lĩnh vực khoáng sản của các đơn vị cấp huyện, cấp xã, phường và tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

2.3. Công tác cấp phép hoạt động khoáng sản

- Từ ngày 30/3/2015 đến 30/5/2017, UBND tỉnh cấp 52 giấy phép, gồm có: 29 giấy phép thăm dò (08 đá xây dựng; 01 sét; 20 cát xây dựng); cấp mới 11 giấy phép (03 đá xây dựng; 08 cát xây dựng); gia hạn 12 Giấy phép (01 than bùn; 01 cát xây dựng; 10 đá xây dựng). Có 02 giấy phép trả lại một phần diện tích khai thác và 02 giấy phép chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản. Số giấy phép dừng khai thác do hết hạn: 07 giấy phép (03 vàng sa khoáng, 03 đá xây dựng, 01 quặng sắt) (*Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo*).

Tính đến thời điểm lập Phương án, trên địa bàn tỉnh có 35 giấy phép khai thác khoáng sản do UBND tỉnh cấp (15 cát xây dựng, 19 đá xây dựng và 01 than bùn) và 01 Giấy phép khai thác vàng gốc khu vực xã Đăk Blô, huyện Đăk Glei do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp còn hiệu lực (*Phụ lục 3 kèm theo*).

2.4. Công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh tại thời điểm lập Phương án

Nhằm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành: Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 22/02/2013 về việc ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước trong hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định số 443/QĐ-CT ngày 22/8/2013 về việc phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng

sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 254/QĐ-CT ngày 22/5/2014; Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 05/8/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Phương án bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Các đơn vị chức năng trên địa bàn tỉnh đã triển khai thực hiện các văn bản trên làm cho hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh dần đi vào nề nếp, hạn chế các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn, tuy nhiên, vẫn còn những tồn tại, hạn chế nhất định. Thời gian gần đây, hoạt động khai thác khoáng sản trái phép (đặc biệt là cát làm vật liệu xây dựng thông thường, vàng gốc, vàng sa khoáng) có chiều hướng gia tăng ở một số địa phương, làm ảnh hưởng đến môi trường; gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội; làm thất thoát tài nguyên, mất đất sản xuất và thất thu ngân sách.

2.5. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

2.5.1. Những tồn tại, hạn chế

Hoạt động khai thác khoáng sản trái phép vẫn còn tồn tại trên địa bàn tỉnh, tình trạng khai thác khoáng sản trái phép tại một số điểm nóng vẫn còn tái diễn, trong khi chính quyền các địa phương chưa có biện pháp ngăn chặn triệt để; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương chưa đồng bộ, đặc biệt là công tác phối hợp quản lý, bảo vệ khoáng sản và việc ngăn chặn kịp thời tình trạng khai thác khoáng sản trái phép; công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý đối với những hành vi vi phạm pháp luật chưa nghiêm.

Công tác quản lý bảo vệ tài nguyên khoáng sản ở cấp huyện, cấp xã đôi lúc, đôi nơi còn buông lỏng, không kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp khai thác trái phép, để kéo dài tạo điểm nóng như: Khoáng sản vàng tại xã Đăk Pét, xã Đăk Nhoong, xã Đăk Long, xã Đăk Blô, sông Pô Kô (huyện Đăk Glei); sông Pô Kô, xã Đăk Kan, xã Sa Loong (huyện Ngọc Hồi), xã Đăk Tre (huyện Kon Rẫy), xã Tân Cảnh, xã Pô Kô (huyện Đăk Tô), xã Hơ Moong (huyện Sa Thầy) và xã Hiếu (huyện Kon Plông); cát, sỏi lòng sông ĐăkBlá; đất sét xã Hòa Bình, phường Ngô Mây (thành phố Kon Tum)... Ngoài các điểm khoáng sản nêu trên, một số khu vực khác trên địa bàn tỉnh cũng xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản lén lút, trái phép.

2.5.2. Nguyên nhân

- Lực lượng cán bộ cấp huyện, đặc biệt là cấp xã được giao nhiệm vụ tham mưu quản lý nhà nước về khoáng sản chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ cả về số lượng và trình độ chuyên môn, do kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực (đất đai, môi trường, khoáng sản); chưa phối hợp tốt với các đơn vị liên quan trên địa bàn (lực lượng Biên phòng, Công an, Ban quản lý các khu bảo tồn, các chủ rừng...) trong công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác.

- Hoạt động khoáng sản trái phép diễn biến ngày càng phức tạp, tinh vi (ngoài giờ hành chính, ban đêm, các ngày nghỉ, ngày Lễ).

- Thanh tra chuyên ngành khoáng sản còn thiếu, chưa thường xuyên nên chưa phát hiện kịp thời hoạt động khoáng sản trái pháp luật hoặc phát hiện nhưng chưa ngăn chặn, xử lý triệt để.

- Một số đơn vị chức năng, các chủ đất, chủ rừng chưa phát huy vai trò trách nhiệm trong công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.

II. Thống kê số lượng, vị trí diện tích các khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

1. Các khu vực thăm dò khoáng sản (Phụ lục 1 kèm theo)

2. Các khu vực khai thác khoáng sản (Phụ lục 2, Phụ lục 3 kèm theo)

3. Các khu vực khai thác đã kết thúc, đóng cửa mỏ để bảo vệ; các bãi thải của mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ (Phụ lục 2 kèm theo)

4. Các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, các khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đã phê duyệt: (Phụ lục 4 kèm theo).

- Khu vực cấm hoạt động khoáng sản: 1.111 vị trí, khu vực, tuyến; tổng diện tích 297.421,31 ha.

- Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: 732 vị trí; tổng diện tích 335,96 ha.

(Phương án và bản đồ khoanh vùng cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum được đăng tải trên Trang thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường (<http://stnmt.kontum.gov.vn>).

5. Các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ.

Các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định, công bố: Gồm 22 điểm, tổng diện tích 535 ha (phụ lục 5 kèm theo).

6. Các khu vực thường xảy ra khai thác trái pháp luật cần quan tâm bảo vệ

- Các điểm quặng vàng Đắk Ri Peng, xã Tân Cảnh; xã Pô Kô, huyện Đắk Tô.

- Các điểm quặng vàng thuộc các xã: Hơ Moong, Sa Nhơn, Rờ Koi, huyện Sa Thầy.

- Điểm quặng đá mỹ nghệ Sa Nghĩa, huyện Sa Thầy.

- Các điểm quặng vàng thuộc các xã: Đắk Kan, Sa Long, Bờ Y, huyện Ngọc Hồi

- Các điểm quặng vàng thuộc các xã: Đắk Roong, Đắk Blô, Đắk Long, Đắk Nhoong, Đắk Pét, huyện Đắk Glei

- Các khu vực dọc tuyến biên giới giáp Lào, Campuchia thuộc địa bàn các huyện: Đắk Glei, Ngọc Hồi, Sa Thầy, Ia H'Drai.

- Khu vực thôn 8 xã Hiếu, huyện Kon Plông.

- Khu vực các xã Ngọc Vang, Ngọc Réo, huyện Đắk Hà.

- Các khu vực cát sỏi thuộc lưu vực sông: Đắk Bla, Pô Kô, Đắk Kan.

- Khu vực đá chẻ thôn 4, xã Chư Hreng; Sao Mai, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum.

- Sét gạch ngói khu vực các xã: Hòa Bình, Đắk Blá; phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum.

III. Cập nhật thông tin Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản có liên quan trên địa bàn tỉnh.

1. Thông tin về Quy hoạch khoáng sản của tỉnh Kon Tum

- Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2015 và xét đến năm 2020 (Quy hoạch khoáng sản) được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 04/2010/NQ-HĐND ngày 05/4/2010 và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết

định số 12/2010/QĐ-UBND ngày 21/4/2010 và điều chỉnh, bổ sung tại các Quyết định số 25/2010/QĐ-UBND ngày 9/6/2010; Quyết định số 33/2011/QĐ-UBND ngày 27/10/2011; Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND ngày 28/6/2013.

- Thực hiện Luật Khoáng sản 2010, UBND tỉnh đã triển khai lập Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo quy định. Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh và điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 24/5/2016.

2. Thông tin về Quy hoạch khoáng sản của cả nước

2.1. Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012. Trên địa bàn tỉnh có các loại khoáng sản sau thuộc quy hoạch:

- Cao lanh Đăk Cấm, xã Đăk Cấm, thành phố Kon Tum
- Đá granit ốp lát Làng Lung Leng, xã Sa Bình, huyện Sa Thầy
- Đá granit ốp lát Làng Chối, Thôn 1, xã Ya Xiêr, huyện Sa Thầy
- Đá gabro ốp lát Sa Nghĩa, xã Sa Nghĩa, huyện Sa Thầy
- Đá ốp lát Đăk Rìng, Đăk Nêr, thôn 4, xã Đăk Rìng, huyện Kon Plông
- Đá quaczit Pô Kô, huyện Đăk Tô và Roi Kơi, huyện Sa Thầy
- Khoáng sản dự trữ Quốc gia làm vật liệu xây dựng:
 - + Khoáng sản cao lanh: Plei Krông, Ia Rơ Tang, Mô Rai, thị trấn Sa Thầy, Chư Chok, huyện Sa Thầy; Măng Cành, huyện Kon Plông; Đèo Ngọc Bích, huyện Đăk Tô.
 - + Khoáng sản đá ốp lát: Diên Bình, huyện Đăk Tô; Sa Bình, huyện Sa Thầy; Bờ Y, huyện Ngọc Hồi; Ia chim, Ia Khương, thành phố Kon Tum.
 - + Khoáng sản bentonit: Ia Chim, thành phố Kon Tum
 - + Khoáng sản cao lanh Đăk Cấm, thành phố Kon Tum
 - + Khoáng sản bauxit, Kon Plông - Kon Hà Nừng

2.2. Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương, trên địa bàn tỉnh có các loại khoáng sản sau thuộc quy hoạch:

- Quyết định số 5289/QĐ-BCT ngày 20/10/2010 của Bộ Công Thương về việc bổ sung điểm feldpat, xã Đăk Rve, huyện Kon Rẫy vào Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng nhóm khoáng chất công nghiệp đến năm 2015, xét đến năm 2025.
- Quyết định số 6170/QĐ-BCT ngày 08/12/2009 của Bộ Công Thương về việc bổ sung điểm mỏ vàng gốc xã Đăk Blô, huyện Đăk Glei vào Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng vàng đến năm 2015, xét đến năm 2025.

IV. Trách nhiệm của các sở ngành, đơn vị liên quan trong công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì xây dựng phương án, kế hoạch, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn toàn tỉnh.

- Cung cấp các thông tin, tài liệu về khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, quy hoạch khoáng sản, khu vực cấp phép hoạt động khoáng sản cho các đơn vị liên quan và các lực lượng chức năng để thực hiện công tác quản lý. Giám sát, theo dõi các hoạt động điều tra cơ bản địa chất khoáng sản, hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường liên quan đến địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Chủ trì, tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tại các địa bàn thường xảy ra hoạt động khoáng sản trái phép hoặc có nguy cơ xảy ra khai thác khoáng sản trái phép. Lực lượng nòng cốt là Thanh tra chuyên ngành, Phòng Khoáng sản, Chi cục Quản lý đất đai, Chi cục Bảo vệ môi trường; lực lượng chức năng tại địa phương nơi có hoạt động khoáng sản trái phép; các sở ngành chức năng và Công an tỉnh được huy động tham gia phối hợp để xử lý vụ việc có tính chất phức tạp.

- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về khoáng sản, giải quyết các tranh chấp, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo; xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu UBND tỉnh xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định.

- Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của các cấp, các ngành được giao nhiệm vụ trong Phương án này; định kỳ hàng tháng, tổng hợp báo cáo kết quả công tác quản lý bảo vệ khoáng sản trên địa bàn về UBND tỉnh.

- Định kỳ hàng năm, tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản cho các cơ quan quản lý cấp huyện, cấp xã và tổ chức, cá nhân đang hoạt động khoáng sản và nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản cho các cơ quan, lực lượng chức năng liên quan.

2. Sở Công Thương

- Triển khai thực hiện lộ trình phát triển ngành công nghiệp khai khoáng trên địa bàn tỉnh theo quy định; rà soát, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch khoáng sản, kịp thời tham mưu điều chỉnh, bổ sung quy hoạch để thực hiện công tác quản lý, đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng khoáng sản trong từng thời kỳ.

- Chủ trì thực hiện công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác nằm trong hàng lang lưới điện cao áp; chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tăng cường công tác kiểm tra, xử lý kịp thời việc tàng trữ, vận chuyển, mua bán khoáng sản không có nguồn gốc khai thác, chế biến hợp pháp.

3. Sở Xây dựng:

- Chủ trì triển khai thực hiện lộ trình phát triển ngành vật liệu xây dựng nói chung và vật liệu xây không nung nói riêng trên địa bàn tỉnh; thực hiện tốt Kế hoạch 286/KH-UBND ngày 08/02/2013 của UBND tỉnh về phát triển vật liệu xây dựng không nung đến năm 2020 và lộ trình giảm dần, chấm dứt sản xuất gạch xây đất sét nung bằng lò thủ công trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Thực hiện công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo chức năng nhiệm vụ của ngành đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

4. Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì thực hiện công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo chức năng nhiệm vụ của ngành đối với khu vực nằm trong hành lang bảo vệ các công trình thủy lợi, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

- Chỉ đạo lực lượng kiểm lâm, các đơn vị chủ rừng (các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp, các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng, Vườn quốc gia Chư Mom Ray, Khu Bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh, Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam...): Ngoài chức năng nhiệm vụ được giao về bảo vệ và phát triển rừng, phải có biện pháp ngăn chặn ngay các hoạt động khoáng sản (khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến...) trái phép trong lâm phần mình quản lý. Kịp thời báo cáo chính quyền địa phương và cơ quan chức năng biết tình trạng trên để phối hợp xử lý.

- Chỉ đạo Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão, Ban quản lý Khai thác các công trình thủy lợi ngoài chức năng nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực quản lý các công trình thủy lợi, phải có biện pháp ngăn chặn ngay các hoạt động khoáng sản (khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến...) trong phạm vi bảo vệ của các công trình thủy lợi do đơn vị đang quản lý theo quy định. Kịp thời báo cáo chính quyền địa phương và cơ quan chức năng biết tình trạng trên để phối hợp xử lý.

5. Sở Giao thông Vận tải

- Chủ trì thực hiện công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo chức năng nhiệm vụ của ngành đối với khu vực nằm trong phạm vi quản lý bảo vệ của công trình kết cấu hạ tầng giao thông.

- Chủ trì, phối hợp Phòng Cảnh sát giao thông (Công an tỉnh): Có biện pháp quản lý các phương tiện khai thác cát trên sông theo quy định của pháp luật (về an toàn vận tải đường thủy nội địa; việc đăng ký, đăng kiểm phương tiện khai thác, vận chuyển cát trên lòng sông; việc đăng ký số lượng, chủng loại, gắn biển hiệu các phương tiện khai thác cát...).

6. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

Chủ trì thực hiện công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo chức năng nhiệm vụ của ngành đối với khu vực nằm trong phạm vi quản lý về di sản văn hóa, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh; khi phát hiện có hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trong khu vực quản lý bảo vệ, phải kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo và phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan chức năng biết để phối hợp xử lý.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì thực hiện công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo chức năng nhiệm vụ của ngành đối với khu vực nằm trong phạm vi quản lý thuộc hành lang bảo vệ các công trình thông tin liên lạc viễn thông. Khi phát hiện có hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trong khu vực quản lý bảo vệ, phải kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo và phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan chức năng biết để phối hợp xử lý.

8. Sở Tài chính

Tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí cho công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác từ nguồn thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ.

9. Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị mình có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực khoáng sản; bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực thuộc đất dành riêng cho an ninh, quốc phòng, khu vực quy hoạch đất an ninh, quốc phòng; ngăn chặn, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, tác động xấu đến môi trường, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội. Phối hợp các sở ngành liên quan kiểm tra, xử lý hoạt động mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, tiêu thụ khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp. Chỉ đạo các lực lượng trực thuộc tham gia phối hợp, hỗ trợ công tác truy quét hoạt động khoáng sản trái phép theo quy định của pháp luật khi có đề nghị của chính quyền địa phương.

10. Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Có biện pháp kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc tuân thủ quy định về Quy chế khu vực biên giới đất liền đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trong khu vực biên giới; phối hợp tốt với các cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động khoáng sản trong khu vực biên giới. Kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác, mua, bán, vận chuyển, tàng trữ khoáng sản trái phép trong khu vực biên giới theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo các Đoàn Biên phòng trong khu vực biên giới, ngoài việc thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, có trách nhiệm phối hợp với các cấp, các ngành có liên quan tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương phát hiện xử lý, cung cấp thông tin kịp thời về hoạt động khoáng sản trái phép, đấu tranh ngăn chặn tình trạng khai thác khoáng sản trái phép xảy ra trong khu vực biên giới.

11. Cục Thuế tỉnh

Truy thu các nghĩa vụ tài chính đối với khoáng sản khai thác trái phép; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật Thuế.

12. Các đơn vị Điện lực, Bưu điện và đơn vị cấp thoát nước thuộc các huyện, thành phố

Ngoài thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, khi phát hiện hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trong phạm vi quản lý bảo vệ của công trình kết cấu hạ tầng công trình cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, dẫn điện, thông tin liên lạc... theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm xử lý các trường hợp vi phạm theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời thông báo kịp thời với chính quyền địa phương và cơ quan chức năng biết để phối hợp xử lý.

13. Lực lượng kiểm lâm, các đơn vị chủ rừng (các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp, các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng, Vườn quốc gia Chư Mom Ray, Khu Bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh, Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam...):

Ngoài chức năng nhiệm vụ được giao về bảo vệ và phát triển rừng, phải có biện pháp ngăn chặn các hoạt động khoáng sản (khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến...) trái phép trong lâm phần mình quản lý theo quy định của pháp luật. Kịp thời báo cáo chính quyền địa phương và cơ quan chức năng biết tình trạng trên để phối hợp xử lý.

14. Tổ chức, cá nhân sử dụng đất:

Có trách nhiệm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong diện tích đất đang sử dụng; không được tự ý khai thác khoáng sản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 64 của Luật Khoáng sản.

15. Báo Kon Tum, Đài Phát thanh Truyền tỉnh hình

- Thông tin, tuyên truyền các quy định của pháp luật về tài nguyên khoáng sản; Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.

- Đăng tải thông tin về công tác quản lý nhà nước đối với tài nguyên khoáng sản; hoạt khai thác khoáng sản trái phép và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin đã đăng tải theo quy định của pháp luật

V. Trách nhiệm của UBND cấp huyện, cấp xã; Hình thức xử lý tập thể, cá nhân để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép

1. UBND cấp huyện, cấp xã

- Có trách nhiệm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn quản lý và tổ chức thực hiện đúng các quy định tại: Khoản 2, Khoản 3 Điều 18 Luật Khoáng sản; Khoản 2, Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 19/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản.

- UBND cấp huyện, cấp xã nếu để xảy ra khai thác khoáng sản trái phép, mua bán, vận chuyển khoáng sản trái phép trên địa bàn mà không giải tỏa dứt điểm, để tái diễn, kéo dài; gây bức xúc trong dư luận, tác động xấu đến môi trường, ảnh hưởng đến an ninh trật tự và đời sống của người dân địa phương phải nghiêm túc kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm đối với cán bộ, người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Trường hợp phát hiện cán bộ, công chức bao che, tiếp tay cho hoạt động khoáng sản trái phép; thỏa thuận, cho phép tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trái pháp luật phải xử lý, kỷ luật.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện

Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh khi để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn mà không xử lý hoặc để diễn ra kéo dài theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 19/11/2016 của Chính phủ.

3. Chủ tịch UBND cấp xã

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hoạt động khoáng sản trái phép; phối hợp với các cơ quan chức năng bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND cấp huyện khi để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn mà không xử lý hoặc để diễn ra kéo dài.

VI. Quy định trách nhiệm phối hợp giữa các cấp, sở ngành có liên quan trong việc cung cấp, xử lý thông tin và giải tỏa hoạt động khai thác khoáng sản trái phép

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh

Định kỳ hàng quý tổng hợp, thông báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường về: khối lượng đất, đá, cát sỏi trong dự án đầu tư mới được phê duyệt; thông tin về các dự án có thu hồi vận chuyển khoáng sản ra khỏi dự án (chủ đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, diện tích dự án, khối lượng đắp; khối lượng vận chuyển ra khỏi dự án...); việc cấp đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh có lĩnh vực hoạt động khoáng sản.

2. Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông Vận tải

Định kỳ hàng quý tổng hợp, thông báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường về: khối lượng đất, đá, cát sỏi trong dự án đầu tư (thuộc chức năng quản lý của ngành) đã được phê duyệt (chủ đầu tư, giấy phép xây dựng, diện tích dự án, khối lượng đắp; khối lượng vận chuyển ra khỏi dự án...).

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan

Trong phạm vi chức năng quản lý, kịp thời phát hiện, cung cấp thông tin và phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã, Sở Tài nguyên và Môi trường bảo vệ các khu vực khoáng sản chưa được cấp phép khai thác.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Định kỳ hàng tháng phối hợp với UBND cấp huyện kiểm tra một số địa bàn thường xảy ra khai thác khoáng sản trái pháp luật; tổ chức giao ban, triển khai kế hoạch hàng quý với UBND cấp huyện về công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác.

5. UBND cấp huyện

Xây dựng kế hoạch và trực tiếp tổ chức thực hiện công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn; thường xuyên kiểm tra chỉ đạo công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản, tăng cường công tác quản lý hành chính trên địa bàn, đặc biệt tại vùng giáp ranh với các địa phương, khu vực biên giới.

VII. Kế hoạch, các giải pháp tổ chức thực hiện; dự toán chi phí thực hiện

1. Kế hoạch và các giải pháp thực hiện.

1.1. UBND cấp huyện, cấp xã

- Chủ động phát hiện, lập kế hoạch bảo vệ khoáng sản chưa khai thác hàng năm và tổ chức thực hiện kiểm tra, xử lý vi phạm về khai thác khoáng sản trái pháp luật trên địa bàn quản lý; báo cáo UBND cấp trên các trường hợp vượt thẩm quyền, khai thác khoáng sản trái pháp luật tại vùng giáp ranh các địa phương lân cận.

- Khi phát hiện hoạt động khoáng sản trái pháp luật phải chủ động tổ chức, huy động lực lượng để giải tỏa, ngăn chặn; lập Biên bản hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân; xử lý theo thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật, trường hợp vượt quá thẩm quyền phải báo cáo cơ quan cấp trên để xử lý theo quy định.

- Đối với các trường hợp phức tạp, nằm ngoài tầm kiểm soát, đã tổ chức lực lượng và có các biện pháp xử lý nhưng vẫn không thể giải quyết phải kịp thời báo cáo cơ quan cấp trên. Các trường hợp khẩn cấp có thể thông báo qua điện thoại, sau đó phải có văn bản báo cáo cụ thể.

- Thực hiện báo cáo định kỳ tình hình bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn theo quy định tại điểm d Khoản 2, điểm c Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ. UBND cấp huyện báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

1.2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp các sở ngành, địa phương kiểm tra, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn toàn tỉnh theo Phương án đã được phê duyệt.

- Tham mưu UBND tỉnh tổng kết, đánh giá công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh và Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về khoáng sản hàng năm cho Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại điểm b Khoản

1 Điều 7, điểm c Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

2. Kinh phí thực hiện

Trước ngày 15 tháng 8 hàng năm (cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước), các cơ quan, gồm:

2.1. UBND cấp huyện, cấp xã

Cơ quan tài nguyên môi trường cấp huyện có trách nhiệm lập dự toán kinh phí chi cho nhiệm vụ bảo vệ khoáng sản chưa khai thác gửi cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định, trình UBND cấp huyện phê duyệt; đồng thời gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

2.2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Lập dự toán chi nhiệm vụ bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2.3. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán chi nhiệm vụ bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường lập, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách và dự toán thu từ nguồn thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm kế hoạch được hưởng theo phân cấp; tổ chức tổng hợp, thẩm định phương án phân bổ chi ngân sách trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo Luật Ngân sách.

VIII. Tổ chức thực hiện.

1. Yêu cầu Thủ trưởng các sở ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Báo Kon Tum, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh; các tổ chức, cá nhân được cấp phép hoạt động khoáng sản thực hiện nghiêm túc Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, các sở ngành, địa phương, đơn vị và cá nhân có liên quan báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Tuy

BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ TÌNH HÌNH CẤP GIẤY PHÉP THẨM DÒ KHOÁNG SẢN

STT	Số Giấy phép	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí hành chính khu vực thẩm dò	Diện tích thẩm dò (ha)
1	538/GP-UBND	24/9/2015	Đá xây dựng	Công ty TNHH MTV 501.I	Thôn 1, xã Tân Cảnh, huyện Đắk Tô	06
2	1170/GP-UBND	12/11/2015	Đá xây dựng	Công ty CP XD&SX VLXD	Thôn Kon Pring, xã Ngọc Tụ, huyện Đắk Tô	5,1
3	771/GP-UBND	30/9/2015	Cát xây dựng	Công ty TNHH Tây Tiến	Lòng sông Đắk Bla, thôn Kon Rơ Wang, phường Thắng Lợi, TP Kon Tum	0,84
4	86/GP-UBND	27/01/2016	Cát xây dựng	Công ty TNHH Tuấn Dũng	Sông Đắk Tờ Kan, làng Kon Hnông, xã Đắk Tờ Kan, huyện Tu Mơ Rông	05
5	85/GP-UBND	27/01/2016	Đá xây dựng	Công ty TNHH Tuấn Dũng	Làng Tam Rìng, xã Ngọc Yêu, huyện Tu Mơ Rông	02
6	118/GP-UBND	03/02/2016	Cát xây dựng	Công ty TNHH Đồng Tâm	Sông Đắk Psi, thôn Đắk Chum 2, xã Tu Mơ Rông	06
7	442/GP-UBND	27/4/2016	Đá xây dựng	Công ty CP Hoàng Nguyên KT	Thôn 6, xã Hiếu, huyện Kon Plông	02
8	443/GP-UBND	27/4/2016	Cát xây dựng	Công ty TNHH MTV Huỳnh Ngọc	Sông Đắk Tờ Kan, thôn 6, xã Kon Đào, huyện Đắk Tô	02

9	441/GP-UBND	27/4/2016	Cát xây dựng	DNTN Toàn Tiến Đắk Tô	Sông Đắk Tô Kan, thôn Đắk Rao Lớn, thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô	04
10	440/GP-UBND	27/4/2016	Cát xây dựng	DNTN Nhật Mạnh	Sông Đắk Pxi, thôn 5, xã Diên Bình, huyện Đắk Tô	04
11	627/GP-UBND	10/6/2016	Đá xây dựng	DNTN VTTM Cửu Long	Thôn Bình Trung, xã Sa Bình, huyện Sa Thầy	3,5
12	874/GP-UBND	12/8/2016	Cát xây dựng	Công ty TNHH Hương Linh	Lòng sông Đắk Pơ Ne, thôn 1, xã Tân Lập và thôn 13, xã Đắk Ruồng, huyện Kon Rẫy	02
13	871/GP-UBND	11/8/2016	Cát xây dựng	DNTN Đắk Tân Lập	Lòng sông Đắk Pơ Ne, thôn 10, 11, 12 xã Đắk Ruồng và thôn 1, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy	04
14	1162/GP-UBND	5/10/2016	Đá xây dựng	Công ty TNHH Tuấn Dũng	Làng Ngọc Leng, xã Đắk Hà, huyện Tu Mơ Rông	02
15	1235/GP-UBND	18/10/2016	Cát xây dựng	HKD Nguyễn Đình Thát	Sông Tê Pen2, đoạn qua thôn Đắk Rô Gia, xã Đắk Trâm, huyện Đắk Tô	0,91
16	1234/GP-UBND	18/10/2016	Cát xây dựng	HKD Trương Quảng	Sông Pô Kô, thôn 4, xã Tân Cảnh, huyện Đắk Tô	0,99
17	1442/GP-UBND	29/11/2016	Cát xây dựng	Công ty TNHH Hoàng Long Hưng	sông Đắk Pxi, thuộc thôn 5, xã Diên Bình, huyện Đắk Tô và thôn 5, xã Đắk Long, huyện Đắk Hà	0,84
18	1475/GP-UBND	05/12/2016	Cát xây dựng	Công ty TNHH Minh Hường Kon Tum	Thôn 9, xã Ia Tơi, huyện Ia Tơi, huyện Ia H'rai	0,98

19	1476/GP-UBND	05/12/2016	Cát xây dựng	Công ty TNHH Thủy điện Đắk Lắk	Suối nước Lây, xã Tê Xăng, huyện Tu Mơ Rông	3,5
20	1502/GP-UBND	9/12/2016	Đá xây dựng	Công ty Cổ phần HSVN	Xã Ia Chim, thành phố Kon Tum	02
21	1540/GP-UBND	19/12/2016	Cát xây dựng	Công ty CP Trường Nhật	Làng Lung, xã Ya Xier, huyện Sa Thầy - Vị trí 2	0,99
22	1541/GP-UBND	19/12/2016	Cát xây dựng	Công ty CP Trường Nhật	Làng Lung, xã Ya Xier, huyện Sa Thầy - Vị trí 1	0,96
23	1539/GP-UBND	19/12/2016	Cát xây dựng	Công ty TNHH MTV Thạch Anh Sa	Thôn Đắk Wát, xã Kroong, huyện Đắk Glei	1,5
24	1622/GP-UBND	30/12/2016	Cát xây dựng	Công ty TNHH Hưng Long	Thôn Đắk Gô, xã Đắk Roong, huyện Đắk Glei	06
25	1621/GP-UBND	30/12/2016	Cát xây dựng	Công ty TNHH MTV Thành Phú Ngọc Hồi	Sông Pô Kô, ranh giới hành chính thôn Nông Nhảy 2, xã Đắk Nông, thôn 6, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi và thôn Đắk Kon, xã Đắk Rơ Nga, huyện Đắk Tô	04
26	1623/GP-UBND	30/12/2016	Cát xây dựng	Công ty TNHH MTV Thành Phú Ngọc Hồi	Sông Pô Kô, ranh giới hành chính thôn Chá Nội 2, xã Đắk Nông, thôn Đắk Rowmae, xã Đắk Ang, huyện Ngọc Hồi và thôn Đắk Kon, xã Đắk Rơ Nga, huyện Đắk Tô	03
27	123/GP-UBND	21/02/2017	Sét gạch ngói	Công ty CP SX và Cung	Thôn 2, xã Kroong, thành phố Kon Tum	02

				ứng VLXD Kon Tum		
28	403/GP-UBND	11/05/2017	Đá xây dựng	Công ty TNHH Thủy điện Đắk Lắk	Làng Đắk King 1, xã Ngọc Lây, huyện Tu Mơ Rông	02
29	450/GP-UBND	29/05/2017	Cát xây dựng	Công ty CP Duy Tân	Sông Sa Thầy, xã Ia Dom và xã Ia Dal, huyện Ia H'Drai	0,98

BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ TÌNH HÌNH CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

STT	Số Giấy phép, ngày cấp	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí khu vực khai thác	Diện tích khai thác (ha)	Công suất khai thác tấn, m ³ /năm	Ghi chú
I. Cấp mới:						
1	146/GP-UBND 30/3/2015	Công ty TNHH Thanh Sơn	Cát xđ Lòng sông Đắk Bla, thành phố Kon Tum	1,1673	17.743	Cấp mới
2	186/GP-UBND 31/3/2015	Công ty CP XDCT Sông Hồng	Cát xđ Lòng sông Đắk Bla, thành phố Kon Tum	01	25.900	Cấp mới
3	1166/GP-UBND 10/11/2015	Công ty CP ĐT&PT Măng Cảnh	Cát xđ Thôn Hà Mòn Ktu, xã Kroong, TP Kon Tum	3,7	58.800	Cấp mới
4	763/GP-UBND 11/7/2016	Công ty TNHH MTV Hùng Khang	Cát xđ Lòng sông Đắk Bla, thành phố Kon Tum	0,8465	8.550	Cấp mới
5	872/GP-UBND 11/8/2016	Công ty TNHH Thanh Tuấn	Cát xđ Lòng sông Đắk Bla, thành phố Kon Tum,	0,92	15.640	Cấp mới
6	1041/GP-UBND 09/9/2016	Công ty TNHH Thanh Tuấn	Cát xđ Lòng sông Đắk Bla, thành phố Kon Tum	1,0942	16.960	Cấp mới
7	1157/GP-UBND 04/10/2016	Công ty TNHH Tây Tiến	Cát xđ Lòng sông Đắk Bla, thành phố Kon Tum	0,84	6.470	Cấp mới
8	347/GP-UBND 05/4/2016	Công ty CP Trường Long	Đá xđ Thôn Kon Klùng,	2	34.250	Cấp mới

			xã Hiếu, huyện Kon Plông			
9	1158/GP-UBND 04/10/2016	Công ty CP Trường Long	Đá xd Thôn Nghĩa Long, xã Sa Nghĩa, huyện Sa Thầy	6	16000	Cấp mới
10	1163/GP-UBND 05/10/2016	Công ty TNHH MTV 501.1	Đá xd Thôn 1 xã Tân Cảnh, huyện Đắk Tô	2,9	15.000	Cấp mới
11	243/GP-UBND 30/3/2017	Công ty TNHH TNMT Hoàng Long	Cát xd Lòng sông Đắk Bla, xã Sa Bình, huyện Sa Thầy và xã Ia Chim, thành phố Kon Tum	10	25.000	Cấp mới

II. Giá hạn:

1	1335/GP-UBND 15/12/2015	Công ty TNHH Phúc Nhân	Than bùn Tân Lập A, xã Đắk Hring, huyện Đắk Hà	03	5.000 tấn	Giá hạn Giấy phép
2	84/GP-UBND 27/01/2016	Công ty TNHH TM Tân Vĩnh Phát	Đá xd Thôn 12, xã Đắk Ruồng, huyện Kon Rẫy	3,1	80.000	Giá hạn Giấy phép
3	203/GP-UBND 08/3/2016	Xí nghiệp Đức Cường	Đá xd Thôn 1b, xã Đắk La, huyện Đắk Hà	4,05	40.000	Giá hạn Giấy phép
4	249/GP-UBND 18/3/2016	Xí nghiệp XD Đức Tiến	Đá xd Thôn Đông Lốc, xã Đắk Man, huyện Đắk Glei	3,1	35.000	Giá hạn Giấy phép
5	250/GP-UBND 18/3/2016	Công ty CP XNK&ĐT	Đá xd Làng Kép Ram, thôn 5,	3,5	30.000	Giá hạn Giấy phép

		Kon Tum	xã Hòa Bình, TP Kon Tum			
6	470/GP-UBND 04/5/2016	Công ty CP Địa ốc TM&XD Thành Ngọc	Đá xd Thôn Lặc, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi	2,2	30.000	Gia hạn Giấy phép
7	966/GP-UBND 31/8/2016	Công ty CP ĐT XD Thành An	Đá xd Thôn Đăk Kan Dốp, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà	3,1	40.000	Gia hạn Giấy phép
8	1240/GP-UBND 19/10/2016	DNTN Trần Tường Vũ	Cát xd Thôn 1, xã Diên Bình, huyện Đăk Tô	4,1	21.500	Gia hạn Giấy phép
9	11/GP-UBND 06/01/2017	Công ty TNHH MTV Đại Tâm	Đá xd Thôn 1b, xã Đăk La, huyện Đăk Hà	2,2	40.000	Gia hạn Giấy phép
10	96/GP-UBND 08/02/2017	Công ty TNHH ĐT XD & TM Tiến Dung Kon Tum	Đá xd Tiểu khu 474, xã Măng Cành, huyện Kon Plong	0,7	35.000	Gia hạn Giấy phép
11	129/GP-UBND 24/02/2017	Công ty CP XDCT Sống Hồng	Đá xd Thôn Kon Chênh, xã Măng Cành, huyện Kon Plong	4,5	50.000	Gia hạn Giấy phép
12	304/GP-UBND 14/4/2017	Công ty CP Tân Hưng	Đá xd Thôn 1b, xã Đăk La, huyện Đăk Hà	2,6	37.000	Gia hạn Giấy phép
III. Chuyển nhượng:						
1	744/QĐ-UBND 25/9/2015	Chi nhánh DNTN	Đá xd Thôn Nông Nhảy 2,	5,9	45.000	Chuyển nhượng quyền khai thác



		Hoàng Quân	xã Đắk Nông, huyện Ngọc Hồi			
2	202/GP-UBND 8/3/2016	DNTN Trần Tường Vũ	Cát xđ Thôn 1, xã Diên Bình, huyện Đắk Tô	4,1	21.500	Chuyển nhượng quyền khai thác
4. Trả lại một phần diện tích khai thác:						
1	1485/QĐ- UBND 6/12/2016	Công ty CP XDCT Sông Hồng	Đá xđ Thôn Kon Chênh, xã Măng Cành, huyện Kon Plông	4,9		Trả lại một phần diện tích khai thác
2	1589/QĐ-UBND 27/12/2016	Công ty CP Tân Hưng	Đá xđ Thôn 1b, xã Đắk La, huyện Đắk Hà	3,26		Trả lại một phần diện tích khai thác
5. Dừng khai thác khoáng sản - hết hạn:						
1	963/GP-UBND 17/10/2012	Công ty TNHH MTV Vũ Quỳnh	Đá xđ Thôn Long Nang, thị trấn Đắk Glei, huyện Đắk Glei	0,84	33.749	Dừng khai thác <i>GP hết hạn</i>
2	265/GP-UBND 24/3/2011	Công ty TNHH Hoàng Đạt	Đá xđ Thôn 2, xã Hòa Bình, TP Kon Tum	3	30.000	Dừng khai thác <i>GP hết hạn</i>
3	1265/GP-UBND 09/11/2010	Công ty TNHH Đôi Mới	Đá xđ Thôn Nông Nhày II, xã Đắk Nông, huyện Ngọc Hồi	10	140.250	Dừng khai thác <i>GP hết hạn</i>
4	845/GP-UBND 31/8/2011	Công ty CP thép Đồng Á	Vàng sa khoáng Sông Pô Kô, xã Đắk Kroong, xã Đắk Môn, huyện Đắk Glei và xã Đắk Dục, xã Đắk	404	250.000 m ³ cát quặng	Dừng khai thác <i>GP hết hạn</i>

			Nông, xã Đắk Ang, huyện Ngọc Hồi			
5	846/GP-UBND 31/8/2011	Công ty CP thép Đồng Á	Vàng sa khoáng Suối Đắk Long, xã Đắk Long và xã Đắk Môn, huyện Đắk Glei	335	305.000 m3 cát quặng	Dừng khai thác <i>GP hết hạn</i>
6	847/GP-UBND 31/8/2011	Công ty CP thép Đồng Á	Vàng sa khoáng Suối Đắk Blô, huyện Đắk Glei	187	200.000 m3 cát quặng	Dừng khai thác <i>GP hết hạn</i>
7	503/GP-UBND 11/7/2013	Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL-Kon Tum	Quặng sắt Xã Ia Dal, huyện Ia H'Drai	26	90.000 tấn	Dừng khai thác <i>GP hết hạn</i>

BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN CÒN HIỆU LỰC

STT	Số Giấy phép, ngày cấp	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí khu vực khai thác	Diện tích khai thác (ha)	Công suất khai thác tấn, m ³ /năm
I	Thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh				
1	146/GP-UBND 30/3/2015	Công ty TNHH Thanh Sơn	Cát xđ Lòng sông Đắk Bla, thành phố Kon Tum	1,1673	17.743
2	186/GP-UBND 31/3/2015	Công ty CP XDCT Sông Hồng	Cát xđ Lòng sông Đắk Bla, thành phố Kon Tum	01	25.900
3	1166/GP- UBND 10/11/2015	Công ty CP ĐT&PT Măng Cảnh	Cát xđ Thôn Hà Môn Ktu, xã Kroong, thành phố Kon Tum	3,7	58.800
4	763/GP-UBND 11/7/2016	Công ty TNHH MTV Hùng Khang	Cát xđ Lòng sông Đắk Bla, thành phố Kon Tum	0,8465	8.550
5	872/GP-UBND 11/8/2016	Công ty TNHH Thanh Tuấn	Cát xđ Lòng sông Đắk Bla, thành phố Kon Tum	0,92	15.640
6	1041/GP- UBND 09/9/2016	Công ty TNHH Thanh Tuấn	Cát xđ Lòng sông Đắk Bla, thành phố Kon Tum	1,0942	16.960
7	1157/GP- UBND 04/10/2016	Công ty TNHH Tây Tiến	Cát xđ Lòng sông Đắk Bla, thành phố Kon Tum	0,84	6.470
8	347/GP-UBND 05/4/2016	Công ty CP Trường Long	Đá xđ Thôn Kon Klùng, xã Hiếu,	2	34.250

			huyện Kon Plông		
9	1158/GP-UBND 04/10/2016	Công ty CP Trường Long	Đá xd Thôn Nghĩa Long, xã Sa Nghĩa, huyện Sa Thầy	6	16000
10	1163/GP-UBND 05/10/2016	Công ty TNHH MTV 501.1	Đá xd Thôn 1 xã Tân Cảnh, huyện Đắk Tô	2,9	15.000
11	243/GP-UBND 30/3/2017	Công ty TNHH TNMT Hoàng Long	Cát xd Lòng sông Đắk Bla, xã Sa Bình, huyện Sa Thầy và xã Ia Chim, thành phố Kon Tum	10	25.000
12	1335/GP-UBND 15/12/2015	Công ty TNHH Phúc Nhân	Than bùn Thôn Tân Lập A, xã Đắk Hring, huyện Đắk Hà	03	5.000 tấn
13	84/GP-UBND 27/01/2016	Công ty TNHH TM Tân Vĩnh Phát	Đá xd Thôn 12, xã Đắk Ruồng, huyện Kon Rẫy	3,1	80.000
14	203/GP-UBND 08/3/2016	Xí nghiệp Đức Cường	Đá xd Thôn 1b, xã Đắk La, huyện Đắk Hà	4,05	40.000
15	249/GP-UBND 18/3/2016	Xí nghiệp XD Đức Tiến	Đá xd Thôn Đông Lốc, xã Đắk Man, huyện Đắk Glei	3,1	35.000
16	250/GP-UBND 18/3/2016	Công ty CP XNK&ĐT Kon Tum	Đá xd Làng Kép Ram, thôn 5, xã Hòa Bình, TP Kon Tum	3,5	30.000
17	470/GP-UBND 04/5/2016	Công ty CP Địa ốc TM&XD Thành Ngọc	Đá xd Thôn Lặc, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi	2,2	30.000
18	966/GP-UBND 31/8/2016	Công ty CP ĐTXD Thành An	Đá xd Thôn Đắk Kan Dóp, xã Đắk Hring, huyện Đắk Hà	3,1	40.000
19	1240/GP-UBND	DNTN Trần Tường Vũ	Cát xd Thôn 1, xã Diên Bình, huyện Đắk Tô	4,1	21.500

	19/10/2016				
20	11/GP-UBND 06/01/2017	Công ty TNHH MTV Đại Tâm	Đá xd Thôn 1b,xã Đăk La, huyện Đăk Hà	2,2	40.000
21	96/GP-UBND 08/02/2017	Công ty TNHH ĐT XD & TM Tiền Dung Kon Tum	Đá xd Tiểu khu 474, xã Măng Cánh, huyện Kon Plong	0,7	35.000
22	129/GP-UBND 24/02/2017	Công ty CP XDCT Sông Hồng	Đá xd Thôn Kon Chênh, xã Măng Cánh, huyện Kon Plong	4,9	50.000
23	304/GP-UBND 14/4/2017	Công ty CP Tân Hưng	Đá xd Thôn 1b,xã Đăk La, huyện Đăk Hà	2,6	37.000
24	744/QĐ-UBND 25/9/2015	Chi nhánh DNTN Hoàng Quân	Đá xd Thôn Nông Nhảy 2, xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi	5,9	45.000
25	80/GP-UBND 20/01/2012	Công ty TNHH Nguyễn Hưng	Cát XD Lòng sông ĐăkBlá, đoạn phía tây TP Kon Tum	17.52	30.000
26	964/GP-UBND 17/10/2012	HTX Vạn Thành	Đá XD Thôn Nông Nhảy 2, xã Đăk Nông, huyện Ngọc hồi	4	36000
27	1052/GP- UBND 08/11/2012	Công ty CP XDCT Sông Hồng	Đá XD Hồ đá xã Mô Rai, huyện Sa Thầy (nay là huyện Ia H'Drai)	18.48	45000
28	1214/GP- UBND 26/12/2012	Công ty CP và QLCT giao thông KT	Đá XD Thôn 4, xã Hòa Bình, TP Kon Tum	4.15	64.700
29	348/GP-UBND 10/7/2014	Công ty CP XDCT Sông Hồng	Đá XD Làng Kép Ram (thôn 5 cũ), xã Hòa Bình, TP Kon Tum	14	114300
30	101/GP-UBND 06/3/2015	Công ty TNHH VL Xanh Bào Sơn Kon Tum	Cát XD Ranh giới hành chính xã Đăk Rơ Wa	2	28.662

			và xã ĐắkBlà, TP Kon Tum		
31	114/GP-UBND 10/3/2015	HTX XD-TM-DV Chiến Thắng	Cát XD Ranh giới hành chính xã Đắk Rơ Wa	1,225	19.477
32	119/GP-UBND 16/3/2015	Công ty TNHH MTV Xuân Tài	Cát XD Ranh giới hành chính xã Đắk Rơ Wa và phường Thắng Lợi, TP Kon Tum	0,8473	10.015
33	130/GP-UBND 19/3/2015	DNTN Ngọc Trang	Cát XD Thôn Kon Tu 1, xã ĐắkBlà và xã Đắk Rơ Wa, TP Kon Tum	1,1193	17.362
34	129/GP-UBND 19/3/2015	HTX XD-TM-DV Đạt Tài	Cát XD Ranh giới hành chính xã Đắk Rơ Wa và xã ĐắkBlà, TP Kon Tum	0,9689	14.724
35	135/GP-UBND 20/3/2015	DNTN Trí Thành	Cát XD Ranh giới hành chính xã Đắk Rơ Wa và xã ĐắkBlà, TP Kon Tum	1,0859	16.179
II Thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường					
1	2748/GP- BTNMT 27/10/2015	Công ty cổ phần Tân Phát	Vàng xã Đắk Blô, huyện Đắk Glei	17,55	Năm thứ 1 - Vàng deluvi: 3,74kg vàng kim loại/năm - Vàng gốc: 1,66kg vàng kim loại/năm. Từ năm thứ 2 đến năm thứ 15 Từ 10,8 - 18 kg vàng kim loại/năm



KHU VỰC CẤM, KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

Lĩnh vực	Khu vực cấm hoạt động khoáng sản (số điểm, diện tích)	Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (số điểm, diện tích)
Liên quan đến di tích lịch sử - văn hoá	17 vị trí; diện tích 45,19 ha	
Liên quan đến rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên	99 tiểu khu; diện tích 93.402,79 ha	
Liên quan đến rừng phòng hộ	180 tiểu khu; diện tích 179.957,57 ha	
Liên quan đất an ninh	35 vị trí; diện tích 82,09 ha	
Liên quan đất quốc phòng	153 vị trí; diện tích 2.107,34 ha	
Liên quan đến đất dành riêng tôn giáo	76 vị trí; diện tích 54,35 ha	
Liên quan đến công trình kết cấu hạ tầng giao thông	16 vị trí - tuyến; diện tích 7.630,33 ha	
Liên quan đến công trình thủy lợi, thủy điện, đê kè	504 vị trí; diện tích; 13.384,49 ha	
Liên quan đến công trình cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, dẫn điện, thông tin liên lạc	31 vị trí - tuyến; diện tích 757,16 ha	
Liên quan đến đất di tích lịch sử chưa được xếp hạng		731 vị trí, diện tích 326,64 ha
Liên quan đến đất quốc phòng, an ninh		01 vị trí; diện tích 9,32 ha
Tổng cộng	1.111 vị trí, khu vực, tuyến; tổng diện tích 297.421,31 ha	732 vị trí; tổng diện tích 335,96 ha

**KHOẢNG SẢN PHÂN TÁN NHỎ, LỀ
ĐỀ NGHỊ BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG KHOANH ĐỊNH, CÔNG BỐ**

TT	Loại khoáng sản (Địa điểm và số hiệu điểm QH)	Số điểm mỏ	Tổng các kỳ quy hoạch		Giai đoạn đến 2020		Giai đoạn 2021 - 2030	
			Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³ , tấn)	Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³ , tấn)	Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³ , tấn)
1	Vàng	13	321,6	4,682	94,7	1,619	226,9	3,063
1.1	Vàng gốc Thôn Bêng Lang, xã Đăk Blô, huyện Đăk Glei (4)		42,1	0,017	20,0	0,008	22,1	0,009
1.2	Vàng gốc Thôn Đăk Wát, xã Đăk Kroong, huyện Đăk Glei (23)		32,4	0,284	15,0	0,132	17,4	0,153
1.3	Vàng gốc Thôn Đăk Wát, xã Đăk Kroong, huyện Đăk Glei (24)		15,8	0,427	3,0	0,081	12,8	0,346
1.4	Vàng gốc Thôn Iêc, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi (48)		12,6	0,340	3,0	0,081	9,6	0,259
1.5	Vàng gốc xã Đăk Kan, huyện Ngọc Hồi (56)		27,0	0,385	5,0	0,071	22,0	0,314
1.6	Vàng gốc Thôn Giang Lô 2, xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi (58)		9,1	0,072	3,0	0,024	6,1	0,048
1.7	Vàng gốc Thôn Đăk Ri Peng, xã Tân Cảnh,		22,9	1,268	5,0	0,277	17,9	0,991

TT	Loại khoáng sản (Địa điểm và số hiệu điểm QH)	Số điểm mỏ	Tổng các kỳ quy hoạch		Giai đoạn đến 2020		Giai đoạn 2021 - 2030	
			Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³ , tấn)	Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³ , tấn)	Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³ , tấn)
	huyện Đắk Tô (74)							
1.8	Vàng gốc xã Pô Kô, huyện Đắk Tô (83)		108,0	0,643	10,0	0,060	98,0	0,583
1.9	Vàng gốc Thôn Tân Sang, xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy (145)		15,0	0,592	10,0	0,394	5,0	0,197
1.10	Vàng gốc Thôn Bình Sơn, xã Sa Bình, huyện Sa Thầy (150)		3,1	0,012	1,5	0,006	1,6	0,006
1.11	Vàng gốc Thôn Bình Long, xã Sa Bình, huyện Sa Thầy (158)		6,2	0,351	6,2	0,351		
1.12	Vàng gốc Xã Mỏ Rai, huyện Sa Thầy (159)		20,3	0,160	10,0	0,079	10,3	0,081
1.13	Vàng gốc Xã Ia Chim, thành phố Kon Tum		7,1	0,131	3,0	0,055	4,1	0,076
2	Sắt	6	138,9	28.760	34	8.328	104,9	20.432
2.1	Sắt xã Đắk Uy, huyện Đắk Hà (118)		69,3	2.921	15,0	632	54,3	2.289
2.2	Sắt Thôn 1B, xã Đắk Uy, huyện Đắk Hà (125)		12,2	5.787	5,0	2.372	7,2	3.415
2.3	Sắt		21,7	11.262	5,0	2.595	16,7	8.667

TT	Loại khoáng sản (Địa điểm và số hiệu điểm QH)	Số điểm mỏ	Tổng các kỳ quy hoạch		Giai đoạn đến 2020		Giai đoạn 2021 - 2030	
			Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³ , tấn)	Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³ , tấn)	Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³ , tấn)
	xã Đăk Uy, huyện Đăk Hà (119)							
2.4	Sắt Thôn 1B, xã Đăk La, huyện Đăk Hà (132)		20,5	2.834	5,0	691	15,5	2.143
2.5	Sắt Thôn Kon Jơ Droi, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum (184)		10,1	1.532	2,0	303.363	8,1	1.229
2.6	Sắt Xã Ia Chim, thành phố Kon Tum (191)		5,1	4.424	2,0	1.734.760	3,1	2.689
3	Chì Xã Đăk Nông, huyện Ngọc Hồi (35)	1	35,1	18,80	5,0	2,677	30,1	16,12
4	Serpentinit	2	39,4	957.420	11,0	267.300	28,4	690.120
4.1	Serpentinit Thôn Lэк, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi (53)		12,5	303.750	1,0	24.300	11,5	279.450
4.2	Serpentinit Xã Sa Nghĩa, huyện Sa Thầy (146)		26,9	653.670	10,0	243.000	16,9	410.670